TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2019/DS-ST
Ngày: 23/5/2019
V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tiêu Kim Thuận

2. Bà Đỗ Thị A

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên toà:* Ông Hoàng Thế Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 509/2018/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 509/2019/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2019/QĐST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Kim A, sinh năm: 1979

Địa chỉ: 487 đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Phước T, sinh năm 1950

Địa chỉ: 23/13 đường K, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Kim A trình bày:

Do quen biết nên vào ngày 29/4/2016, bà cho ông Nguyễn Phước T vay số tiền 300.000.000 đồng và sau đó một đến hai ngày sau bà cho ông T vay thêm số tiền 70.000.000 đồng.

Ngày 02/8/2017, ông T có viết lại giấy nợ trong đó xác nhận có vay của bà 370.000.000 đồng tiền vốn gốc và 87.500.000 đồng tiền lãi, tương đương với lãi suất 1.5%/tháng (tiền lãi tính từ ngày 01/5/2016 đến ngày 30/9/2017). Ông T hẹn đến ngày 30/9/2017 sẽ trả hết số tiền gốc và lãi cho bà Kim A. Tuy nhiên, cho đến nay ông T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Kim A nên bà A khởi kiện yêu cầu ông T trả số nợ gốc 370.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 30/9/2017 là 87.500.000 đồng và tiền lãi sẽ tiếp tục tính từ ngày 01/10/2017 đến ngày xét xử vụ án với lãi suất 9%/năm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông T trả tiền lãi từ ngày 01/5/2016 đến ngày xét xử vụ án và làm tròn 36 tháng, lãi suất là 9%/năm trên số tiền nợ gốc 370.000.000 đồng.

Bị đơn ông T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cũng như các văn bản tố tụng khác nhưng ông T không nộp tài liệu, chứng cứ cũng như không có văn bản trình bày ý kiến liên quan đến việc giải quyết vụ án vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng và xét xử vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật về tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ giai đoạn thụ lý đến khi nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật, đầy đủ. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng, tuy nhiên bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản pháp luật nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay là vi phạm quy định pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Kim A và bị đơn là ông Nguyễn Phước T là "tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

Đối với giấy nợ ghi ngày 02/8/2017 là chứng cứ nguyên đơn nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu của mình. Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho ông T. Tuy nhiên, ông T vắng mặt trong quá trình Tòa tiến hành tố tụng và không có văn bản phản đối chứng cứ do nguyên đơn đưa ra nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ mà nguyên đơn nộp cho Tòa án để xét xử vụ án.

- Đối với yêu cầu trả tiền nợ gốc:

Căn cứ vào giấy nợ ghi ngày 02/8/2017 có cơ sở xác định ông Nguyễn Phước T có vay của bà Nguyễn Kim A số tiền vốn gốc là 370.000.000 (ba trăm bảy mươi triệu) đồng. Ông T phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Kim A vào ngày 30/9/2017.

Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn"*. Tuy nhiên cho đến nay, đã quá thời hạn trả nợ theo thỏa thuận nhưng ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Kim A là vi phạm những điều kiện đã đã thỏa thuận tại giấy nợ, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc bà Kim A khởi kiện ông T yêu cầu trả số tiền 370.000.000 (ba trăm bảy mươi triệu) đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với yêu cầu trả tiền lãi:

Tại bản tự khai ngày 31/10/2018 nguyên đơn xác nhận từ ngày 29/4/2016 bà đã cho ông T vay 300.000.000 đồng, sau đó khoảng một đến hai ngày, bà cho ông T vay thêm 70.000.000 đồng. Tờ giấy nợ ngày 02/8/2017 chỉ là để xác nhận lại các khoản nợ gốc là 370.000.000 đồng và lãi trước đây là 87.500.000 đồng (tương đương với 1.5%/tháng, tính từ ngày 01/5/2016 đến ngày 30/9/2017 là 16 tháng).

Xét thấy, tuy trong giấy nợ ngày 02/8/2017 không ghi cụ thể thời gian vay nợ trước đây và lãi suất cụ thể nhưng ông T xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền lãi là 87.500.000 đồng. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn thì từ ngày 01/5/2016 đến ngày 30/9/2017 tiền lãi là 87.500.000 đồng, đồng thời bị đơn xác nhận nợ trong giấy nợ ngày 02/8/2017 đã đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định giữa bà A và ông T đã xác lập quan hệ hợp đồng vay tài sản từ ngày 29/4/2016 và đây là hợp đồng vay có thỏa thuận về tiền lãi.

Tại khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *"Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng"*. Lãi suất cơ bản trong năm 2016 do Ngân hàng Nhà nước quy định là 9%/năm x150% = 13.5%/năm. Như vậy, lãi suất tối đa mà các bên được quyền thỏa thuận là 1.125%/tháng.

Tại khoản 5 Điều 474 của Bộ luật dân sự quy định "*Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn mà bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi quá hạn theo lãi suất do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ"*. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn chịu tiền lãi nợ quá hạn đến ngày xét xử vụ án (ngày 23/5/2019).

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và tự nguyện yêu cầu bị đơn trả tiền lãi từ ngày 01/5/2016 đến ngày 23/5/2019, nguyên đơn tự nguyện làm tròn 36 tháng với lãi suất là 9%/năm, tương đương 0.75%/tháng, thấp hơn mức lãi suất tối đa được phép thỏa thuận và nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi cụ thể như sau: 370.000.0000 đồng x 36 tháng x 0.75%/tháng = 99.900.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 466; khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc ông Nguyễn Phước T trả cho bà Nguyễn Kim A số tiền 469.900.000 đồng (bốn trăm sáu mươi chín triệu, chín trăm ngàn) đồng. Trong đó tiền gốc là 370.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi triệu) đồng, tiền lãi là 99.900.000 (chín mươi chín triệu, chín trăm ngàn) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành chưa thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Án phí dân sự sơ thẩm: 22.796.000 đồng (hai mươi hai triệu bảy trăm chín mươi sáu ngàn) đồng, ông Nguyễn Phước T chịu.

Bà Nguyễn Kim A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho bà A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.150.000 (mười một triệu một trăm năm

mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0016442 ngày 03/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày: Đối với bà Nguyễn Kim A kể từ ngày tuyên án, đối với ông Nguyễn Phước T kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan